

Số: 494/2020/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 06 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 210, khoản 3 Điều 211, Điều 212, Điều 213, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 57, 58, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 416/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà **Nguyễn Thị Anh T**, sinh năm 1985. Địa chỉ: 28/29/7 Đất T, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông **Trần Quốc V**, sinh năm 1980. Địa chỉ: 28/29/7 Đất T, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01/2006, ngày 18/5/2006 do Ủy ban nhân dân Phường 6, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh cấp thì bà Nguyễn Thị Anh T và ông Trần Quốc V là vợ chồng hợp pháp. Bà T và ông V nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Anh T và ông Trần Quốc V; Về con chung: Bà Nguyễn Thị Anh T và ông Trần Quốc V thỏa thuận giao 03 con chung là trẻ Trần Nguyễn Tường V, sinh ngày 18/8/2007, trẻ Trần Nguyễn Phương Q, sinh ngày 13/4/2011 và trẻ Trần Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày

09/7/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, mức cấp dưỡng cho con do hai bên tự thỏa thuận; Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Anh T và ông Trần Quốc V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Bà Nguyễn Thị Anh T và ông Trần Quốc V khai không có.

[3] Về lệ phí thuận tình ly hôn: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Anh T và ông Trần Quốc V phải chịu.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Anh T và ông Trần Quốc V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 03 con chung là trẻ Trần Nguyễn Tường V, sinh ngày 18/8/2007, trẻ Trần Nguyễn Phương Q, sinh ngày 13/4/2011 và trẻ Trần Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 09/7/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, mức cấp dưỡng cho con do ông V và bà T tự thỏa thuận.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Anh T và ông Trần Quốc V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Anh T và ông Trần Quốc V khai không có.

3. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Anh T và ông Trần Quốc V tự nguyện nộp, được căn trừ vào 300.000 (Ba trăm

ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí đương sự đã nộp theo biên lai số AA/2019/0016380 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- UBND Phường 6, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh;  
(GCNKH số 71, quyền số 01/2006, ngày 18/5/2006)
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

*(đã ký)*

**Nguyễn Văn Trí**